

Bản án số: **124/2023/HNGĐ-ST**  
Ngày: 29/9/2023  
Về việc: “*Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Quang;
2. Bà Đào Thị Tuyết Mai;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BT.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023. về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Rạch Gừa, xã PL, huyện BÐ, tỉnh BT.

**- Bị đơn:** Ông **Lư Minh H**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Rạch Gừa, xã PL, huyện BÐ, tỉnh BT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27/01/2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lư Minh H cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện BÐ, tỉnh BT vào năm 2012. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhiều lần cãi vã, có

xảy ra xô xát không còn tiếng nói chung. Nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn được với ông H nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lư Minh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lư CH, sinh ngày 31/12/2010, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Lư Minh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*\*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện BD đã tổng đạt hợp lệ cho ông Lư Minh H các văn bản tố tụng nhưng ông H vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lư Minh H.*

***\*Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD có ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,

Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án “Ly hôn” là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BD theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng theo qui định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt không có lý do trong các lần tòa án triệu tập là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***Về giải quyết vụ án, nhận thấy:***

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn vì vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh H không phụ chị lo cho gia đình. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn

nữa nên chị xin được ly hôn với anh Lư Minh H. Anh H không đến trong các lần Tòa án triệu tập, điều này cho thấy rằng anh H đã bỏ mặt cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, giữa hai người không thể hàn gắn tình cảm nên việc tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Lư Minh H.

Con chung: có 01 con chung là cháu Lư CH, sinh ngày 31/12/2010, hiện tại cháu Lư CH đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Hoa, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Hoa đang được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và cháu Hoa có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoa là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: chị T khai không có nên không xét đến.

Nợ chung: chị T khai không có nên không xét đến.

*Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, VKSND huyện BD đề nghị HĐXX:*

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lư Minh H.

Con chung: chị T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lư CH, sinh ngày 31/12/2010. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có nên không xét đến.

Nợ chung: không có nên không xét đến.

Về yêu cầu, kiến nghị, khắc phục kén nghị: Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trả hạn kiến nghị tòa án khắc phục trong thời gian tới.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, Hội đồng xét xử nhận định:***

***[1] Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện bị đơn ông Lư Minh H. Ông Lư Minh H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp Rạch Gừa, xã PL, huyện BD, tỉnh BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh BT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lư Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 26/7/2023. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**\*Về nội dung vụ án:**

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Lư Minh H cưới nhau vào ngày 05/3/2012 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện BĐ, tỉnh BT theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H được công nhận là hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống bà T và ông H sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H không chăm lo đời sống gia đình, giữa bà T và ông H thường xuyên cãi vã và có xảy ra xô xát. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời ông H để hòa giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không đến dự. Điều đó, cho thấy ông H không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với bà T, chứng tỏ hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

[3] *Về con chung:* Quá trình sống chung, bà Nguyễn Thị T và ông Lư Minh H có 01 con chung tên Lư CH, sinh ngày 31/12/2010. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung Lư CH.

Xét thấy, cháu Lư CH hiện đang ở cùng với bà T, có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định. Đồng thời, cháu Lư CH có nguyện vọng được sống chung với bà Nguyễn Thị T (Bút lục số 21). Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con chung của bà T. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Lư CH cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, điều này là phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Lư Minh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung; nợ chung:* Bà Nguyễn Thị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Lư Minh H. Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lư Minh H.

2. *Về con chung*: giao con chung là cháu Lư CH, sinh ngày 31/12/2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này là phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Lư Minh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lư Minh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lư Minh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung; nợ chung*: Bà Nguyễn Thị T khai không có, nên không xét đến.

4. *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị T pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002236 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD. Vậy, bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị T, ông Lư Minh H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BT (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã PL;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Loan**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Chiêu**

**Nguyễn Văn Hiếu**

**Võ Thị Loan**